

### MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CƠ BẢN CỦA LỢN RỪNG

Đào Lê Hằng\*

**L**ợn rừng là loài vật nuôi mới phổ biến hiện

nay ở nhiều tỉnh thành trong cả nước bởi phẩm chất thịt thơm ngon, gần như không có mỡ, ít cholesterol và đặc biệt có da dày, giòn ngay. Phong trào chăn nuôi lợn rừng ngày càng lan rộng do giá thịt hơi khá hấp dẫn (luôn giữ ở mức trên dưới 100.000 đ/kg, lúc cao điểm lên tới 250.000 đ/kg) và nhu cầu tiêu dùng đang ngày càng tăng mạnh. Để giúp người chăn nuôi có thêm tư liệu nghiên cứu trong quá trình tìm hiểu và triển khai các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng lợn rừng đạt hiệu quả cao, chúng tôi xin giới thiệu một số đặc điểm sinh học cơ bản của lợn rừng.

#### Nguồn gốc, vùng phân bố và phân loại

Lợn rừng (Wild pig) vốn chính là thủy tổ của các giống lợn nhà hiện nay. Từ 2500 năm trước, con người đã có những hiểu biết và khai thác lợn rừng. Theo tài liệu của nhiều nước thì lợn rừng được thuần hóa và bắt đầu đưa vào hệ thống vật nuôi từ thế kỷ XVI. Ngày nay lợn rừng đã được nuôi phổ biến ở nhiều nước trên thế giới như Pháp (hiện có 800 trang trại chuyên môn lợn rừng), Ba Lan, Thái Lan, Canada, Anh, Trung Quốc, Đức, Ấn Độ, Braxin, Mexico, Tây Ban Nha, Italia, Đan Mạch, Nhật Bản, Nga, Nepan, Angeri, Indonesia,... và Việt Nam.

Theo phân loại động vật thì lợn rừng thuộc giới động vật (Animalia), ngành dây sống (Chordata), phân ngành có xương sống (Vertebrata), nhóm động vật có hàm (Gnathosomata), lớp có vú (Mamalia), phân lớp thú cao hay thú có nhau (Eutheria), bộ guốc

chẵn (Artiodactyla), họ lợn (Sus), loài lợn rừng (Sus Scrofa).

Theo nghiên cứu của Trung tâm hợp tác nghiên cứu và phát triển nông nghiệp quốc tế thì lợn rừng có tới 36 giống. Phổ biến nhất là các giống: Lợn rừng thần, lợn rừng lông nhím, lợn rừng hươu, lợn rừng sông, lợn rừng lông dài, lợn rừng Ấn Độ, lợn rừng ria trắng châu Phi, lợn rừng Nam Mỹ,... và được phân bố rất rộng, hầu như trên khắp thế giới từ châu Âu, châu Á đến châu Mỹ và châu Phi. Riêng giống lợn rừng S.Salvanus chỉ sống ở vùng cỏ cao trên dãy núi Himalayas ở Nepal, Sikkin và Bhutan. Chúng là giống lợn bé nhỏ nhất trong họ lợn vì chỉ cao có 29 cm và nặng tối đa 7 kg. Lợn rừng nay đã được tạp giao với nhiều giống địa phương cho ra nhiều dòng con lai khác biệt nên hệ thống phân loại còn khá phức tạp trong khi nghiên cứu về loài vật nuôi này còn ít ỏi và rất rải rác.

#### Ngoại hình

Lợn rừng có dáng thon, cao khoảng 65 - 70 cm, một số giống lợn rừng Châu Âu có thể cao tới eo người (90 - 120 cm). Thân hình chắc khỏe, mình mỏng. Phần vai trước thường cao hơn chân sau làm cho hình dạng của lợn rừng vai cao mông thấp. Mông, bụng gọn, đuôi dài không bao giờ cong uốn lại như lợn nhà và luôn ve vẩy. Hai vai và bên trên của 2 chân phía trước đều có u hoặc tấm mỡ sụn lồi ra thành chai cứng. Độ lớn và dày của u chai cứng hoặc tấm mỡ sụn này tăng theo tuổi (3 - 5 cm). Mặt lợn rừng dài, mõm nhọn, tai nhỏ dựng đứng ép sát đầu. Mắt to, lồi, màu đen, híp phần cuối đuôi mất, tia nhìn dữ tợn. Mũi lợn rừng mềm nhưng mạnh khỏe phù hợp với phương thức kiếm ăn trong cuộc sống hoang dã của chúng là đào bới đất, dũi mô đất mới để đào củ, gốc cây, các côn trùng...

---

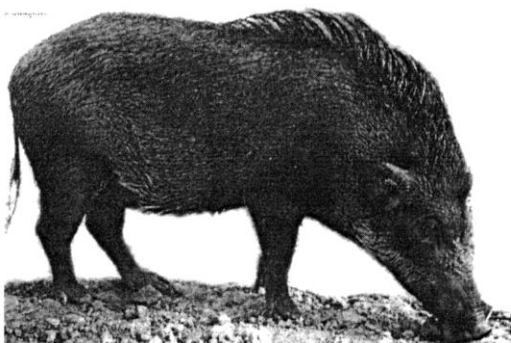
\* Cục Chăn nuôi.

## NHÌN RA THỂ GIỚI

Răng nanh là đặc điểm nổi bật của lợn rừng. Răng nanh mọc dài ra khỏi mõm khi lợn 2 - 4 năm tuổi. Lợn rừng có 4 răng nanh dài, mỗi bên mọc 2 cái, mỗi cái mọc ở 1/4 hàm. Mỗi răng nanh dài trung bình khoảng 10 - 12 cm, thậm chí có con sở hữu bộ răng nanh cong, to, dài tới 22,8 cm. Mỗi bên hàm có 1 đôi răng nanh, nanh trên và nanh dưới khấp kín và khớp nhau, 2 đầu răng nanh trên dưới khớp nhau nên tạo thành đầu nhọn. Mút đầu răng trên và mút đầu răng dưới thường miết cọ sát lẫn nhau nên 2 răng nanh giống như được mài sắc mỗi ngày nên răng nanh của lợn rừng thường rất sắc và nhọn, đặc biệt là ở lợn rừng đực.

Lợn rừng là động vật ăn tạp nên ngoài đặc điểm răng nanh phát triển đặc biệt trên thì lợn rừng cũng giống như các động vật nuôi con bằng sữa khác về sự không phát triển lắm của hệ thống răng, lợn rừng có 44 răng. Răng cửa phía hàm dưới dài, hẹp và chia thẳng ra phía trước để làm nhiệm vụ như cái xẻng. Răng hàm trong, răng cắm mọc trong cùng có cỡ rất lớn bằng với răng hàm cái thứ nhất và thứ 2 cộng lại. Cấu tạo của xương mặt và xương hộp sọ làm lợn rừng có hàm mõm dài, phần này thường chiếm 75% đầu lâu sọ.

Lông của lợn rừng là kiểu lông nhám, cứng. Lỗ chân lông ở trên lớp da tạo thành búi, mỗi búi có 3 lỗ, mỗi lỗ có 1 sợi lông dài.



Trên sống lưng lợn rừng từ trán cho đến sát đuôi có mào lông (bờm), mỗi sợi lông dài khoảng 6 - 15 cm. Phần mào lông này bình thường đã mọc dựng đứng hơn các phần khác nhưng sẽ dựng đứng đặc biệt khi lợn rừng nghe tiếng âm thanh lạ hoặc ngửi thấy mùi của kẻ thù (lợn nhà không có lông mào). Mào lông hay

bờm lông này có màu đen đậm hơn các vùng khác trên cơ thể.

Riêng lợn rừng con trong 4 tháng đầu tiên có bộ lông sọc dưa rất đẹp được tạo bởi những đường vân màu nâu vàng lẫn trắng chạy dài theo thân mình hoặc màu nâu nhạt hoặc đỏ nhạt chạy trên nền lông đen tùy giống. Bộ lông này giúp lợn con ngụy trang để giấu mình và đánh lạc hướng kẻ thù trong môi trường tranh tối tranh sáng trong rừng.

Trong khoảng 2 - 6 tháng, các sọc dưa nhạt màu dần và ở 1 năm tuổi, chúng có bộ lông chính thức mang màu đặc trưng của giống ổn định cho đến khi chết.



### Khả năng sinh trưởng và sinh sản

Lợn rừng sinh trưởng chậm và đạt kích thước tối đa tùy theo từng giống, môi trường và tuổi. Lợn rừng châu Âu thường có tầm vóc to lớn hơn nhiều so với lợn rừng châu Á. Trong khi lợn rừng châu Á chỉ có thể cao 65 - 70 cm, dài 120 - 140 cm, nặng 70 - 150 kg thì lợn rừng châu Âu có thể cao tới 90 - 100 cm, dài 150 - 160 cm, nặng tới 200 - 350 kg. Con đực thường to lớn hơn con cái khoảng từ 20 - 30 kg. Lợn sơ sinh rất bé nhỏ, nặng 0,2 - 0,5 kg, dài 15 - 21 cm. Tuổi cai sữa: 55 - 60 ngày; Trọng lượng lợn con khi cai sữa là 4 - 5 kg/con; Tuổi giết thịt có thể tính từ 6 tháng tuổi. Trọng lượng xuất chuồng thường dao động từ 25 - 50 kg tùy theo nhu cầu của thị trường.

Tháng tuổi	Trọng lượng (kg)	Tốc độ sinh trưởng (g/ngày)
0 - 2	0,5 - 5	8,33 - 83,33
2 - 4	10 - 12	166,66 - 200,00
4 - 6	15 - 25	250,00 - 416,66
6 - 8	25 - 35	300,00 - 583,33

## NHÌN RA THỂ GIỚI

8 - 10	40 - 50	666,66 - 833,33
10 - 12	50 - 70	1000,00 - 1166,66

Tốc độ sinh trưởng (đối với lợn rừng đã và đang nuôi tại Thái Lan và Việt Nam) chậm (trung bình chỉ khoảng 0,13 - 0,2 kg/ngày).

Tuổi thọ sinh lý của lợn rừng kéo dài từ 15 - 25 năm.

Các đặc điểm về khả năng sinh sản:

STT	Chỉ tiêu	Mức thể hiện
1	Tuổi động dục lần đầu	6 - 7 tháng tuổi
2	Trọng lượng động dục lần đầu	18 - 20 kg
3	Tuổi phối giống	7 - 8 tháng tuổi
4	Trọng lượng lúc phối	30 - 35 kg
5	Thời gian mang thai	110 - 130 ngày
6	Thời gian động dục	2 - 3 ngày (đối với nái tơ)
		3 - 4 ngày (đối với nái rạ)
7	Chu kỳ động dục	20 - 22 ngày
8	Hệ số đẻ	1,2 - 1,3 lứa/năm
9	Số con mỗi lứa	5 - 8 con

### Tập tính

Lợn rừng có nhiều kiểu vận động (bơi, chạy, nhảy, quỳ, bò,...) và phát được khoảng 10 loại âm thanh để liên lạc trong đàn. Chúng thường sống quây tụ thành bầy đàn với qui mô

5 - 20 con, cũng có lúc hợp nhóm thành bầy lớn 50 - 80 con. Lợn đực trưởng thành thường tách đàn sống đơn lẻ và chỉ nhập đàn vào mùa giao phối (tháng 12 - tháng 1). Trước khi sinh con, lợn mẹ đào hố trên mặt đất và lót ổ, nguy trang bằng các loại cây, cỏ mềm. Lợn mẹ đẻ và nuôi con rất khéo trong suốt 3 - 4 tháng sau sinh. Mỗi lợn con sẽ chiếm lĩnh bất di bất dịch một núm vú cho đến khi cai sữa. Lợn rừng có linh cảm tốt và rất khôn khéo né tránh các nguy hiểm. Nếu khu vực chúng sống có nhiều thức ăn thì chúng chỉ loanh quanh trong lãnh thổ khoảng 10m<sup>2</sup>/con. Nếu thức ăn bị cạnh tranh nhiều bởi hươu, nai... thì chúng có thể đi kiếm ăn trong vòng bán kính 50 - 80 m nhưng không có tập tính di cư. Lợn rừng có tập tính tham ăn, thích tranh ăn, thích đi kiếm ăn lúc sáng sớm, lúc chạng vạng tối và ban đêm, còn ban ngày chúng thường ẩn nấp vào rừng rậm hoặc những nơi yên tĩnh, kín đáo. Lợn rừng thích đắm mình vào nơi ẩm ướt, vũng nước nhỏ và thích dũi đất tìm kiếm thức ăn hơn là vói lên cao ăn lá cây.

### Thức ăn và kẻ thù

Lợn rừng là loài ăn tạp, chúng ăn từ các loại rễ cây, củ, cỏ, cây nông nghiệp, nấm, quả sồi, hạt đậu, các loại hoa quả,... đến các động vật dưới đất như giun, dế, rết... các loại động vật trên mặt đất như bọ cạp, trứng, kỳ nhông, thỏ con, rắn, chim non của các loài chim làm tổ trên mặt đất, sâu bọ, côn trùng, xác chết...

Kẻ thù trong tự nhiên của chúng là báo, sư tử, hổ, chó sói và thợ săn.

### (Some main bio-characteristics of wild pigs)